Số: 2707/QĐ-UBND(CT); 09/11/2026; 08:29:49;

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 277/2025/NĐ-CP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM HỌC 2025-2026 (đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2026 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên xã, phường, đặc khu	Số cơ sở GDMN được hỗ trợ (Điều 4)	Số CBQL, GV, NV được hỗ trợ (Điều 5)	Số trẻ hỗ trợ tiền ăn trưa (K1 Điều 6)	Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập (K2 Điều 6)	Tổng số đối tượng thụ hưởng	Số, ngày Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã	**Tổng** Kinh phí theo Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã (đồng)
1	Xã An Phú	0	54	5	5	64	Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 14/8/2026	375.630.000
2	Phường Nghĩa Lộ	0	64	2	1	67	Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	432.570.000
3	Phường Trà Câu	0	64	5	5	74	Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 13/8/2026	441.870.000
4	Xã Nguyễn Nghiêm	1	24	7	7	39	Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 14/8/2026	196.630.000
5	Xã Vạn Tường	0	98	0	0	98	Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 12/8/2026	622.080.000
6	Xã Trường Giang	0	26	1	1	28	Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 12/8/2026; Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 12/8/2026	171.510.000
7	Xã Ba Gia	0	36	2	1	39	Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 17/3/2026; Quyết định số 871/UBND-QĐ-UBND ngày 13/8/2026	226.590.000

STT	Tên xã, phường, đặc khu	Số cơ sở GDMN được hỗ trợ (Điều 4)	Số CBQL, GV, NV được hỗ trợ (Điều 5)	Số trẻ hỗ trợ tiền ăn trưa (K1 Điều 6)	Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập (K2 Điều 6)	Tổng số đối tượng thụ hưởng	Số, ngày Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã	Tổng Kinh phí theo Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã (đồng)
8	Xã Thọ Phong	0	27	0	0	27	Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 14/8/2026	174.720.000
9	Xã Đình Cương	0	62	8	3	73	Quyết định số 1972/QĐ-UBND ngày 15/9/2026	442.290.000
10	Xã Thiện Tín	0	60	16	16	92	Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 19/8/2026	413.630.000
11	Xã Phước Giang	0	54	17	17	88	Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 24/6/2026	386.210.000
12	Xã Trà Bồng	2	99	1142	0	1243	Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 09/10/2026	2.119.620.000
13	Xã Đông Trà Bồng	0	39	0	0	39	Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	257.280.000
14	Xã Tây Trà	0	50	447	0	497	Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	1.046.400.000
15	Xã Cà Đam	0	27	207	0	234	Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 03/12/2025	561.240.000
16	Xã Thanh Bồng	0	32	288	0	320	Quyết định số 1046/QĐ-UBND ngày 02/10/2026	940.800.000
17	Xã Tây Trà Bồng	3	45	302	0	350	Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 14/5/2026 và Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 17/8/2026	1.438.336.000
18	Xã Sơn Hạ	0	47	552	0	599	Quyết định số 1727/QĐ-UBND ngày 06/10/2026	1.215.360.000
19	Xã Sơn Linh	0	48	427	0	475	Quyết định số 1255/QĐ-	1.139.840.000

STT	Tên xã, phường, đặc khu	Số cơ sở GDMN được hỗ trợ (Điều 4)	Số CBQL, GV, NV được hỗ trợ (Điều 5)	Số trẻ hỗ trợ tiền ăn trưa (K1 Điều 6)	Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập (K2 Điều 6)	Tổng số đối tượng thụ hưởng	Số, ngày Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã	**Tổng** Kinh phí theo Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã (đồng)
							UBND ngày 29/7/2026	
20	Xã Sơn Hà	0	0	505	0	505	Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 18/6/2026	907.920.000
21	Xã Sơn Kỳ	0	26	270	0	296	Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 04/8/2026	841.680.000
22	Xã Sơn Tây	3	62	297	0	359	Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 16/7/2025	1.242.708.459
23	Xã Sơn Tây Hạ	0	26	199	0	225	Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 10/8/2026	516.960.000
24	Xã Minh Long	3	34	261	261	559	Quyết định số 292B/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	1.124.000.000
25	Xã Ba Vì	2	31	325	84	442	Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 16/7/2026; Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 17/7/2026; Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 17/7/2026	1.375.207.070
26	Xã Ba Dinh	0	0	162	0	162	Quyết định số 133a/QĐ-UBND ngày 30/3/2026	356.400.000
27	Xã Ba Tơ	0	45	283	237	565	Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 09/7/2026	1.093.250.000
28	Xã Ba Vinh	2	21	163	3	189	Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	628.594.910

STT	Tên xã, phường, đặc khu	Số cơ sở GDMN được hỗ trợ (Điều 4)	Số CBQL, GV, NV được hỗ trợ (Điều 5)	Số trẻ hỗ trợ tiền ăn trưa (K1 Điều 6)	Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập (K2 Điều 6)	Tổng số đối tượng thụ hưởng	Số, ngày Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã	**Tổng** Kinh phí theo Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã (đồng)
29	Xã Ba Động	3	26	176	176	381	Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 27/5/2026	657.710.000
30	Xã Đăk Hà	0	0	169	169	338	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 28/4/2026	129.030.000
31	Xã Đăk Pxi	0	0	629	0	629	Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 20/5/2026	1.130.760.000
32	Xã Đăk Ui	1	46	231	0	278	Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 12/5/2026	843.925.000
33	Xã Ngọk Réo	0	58	508	5	571	Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 21/5/2026; Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 19/8/2026	1.256.550.000
34	Xã Đăk Sao	2	36	314	0	352	Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 19/3/2026	1.093.130.000
35	Xã Măng Ri	5	71	381	0	457	Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 10/4/2026; Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 13/4/2026	1.649.900.000
36	Xã Xốp	2	22	250	0	274	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 10/6/2026	894.840.000
37	Xã Rờ Kơi	1	22	266	266	555	Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 01/7/2026	1.092.870.000
38	Xã Măng Bút	3	50	344	0	397	Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 22/8/2026	1.222.480.000

STT	Tên xã, phường, đặc khu	Số cơ sở GDMN được hỗ trợ (Điều 4)	Số CBQL, GV, NV được hỗ trợ (Điều 5)	Số trẻ hỗ trợ tiền ăn trưa (K1 Điều 6)	Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập (K2 Điều 6)	Tổng số đối tượng thụ hưởng	Số, ngày Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã	**Tổng** Kinh phí theo Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã (đồng)
39	Xã Kon Plông	2	51	389	137	579	Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 16/10/2026	1.885.954.000
	TỔNG CỘNG	**35**	**1.583**	**9.550**	**1.394**	**12.559**		**32.546.475.439**

Ghi chú:

- Kinh phí tại Phụ lục này là số liệu tổng hợp theo Quyết định phê duyệt đối tượng của UBND cấp xã; được sử dụng làm căn cứ theo dõi, quản lý việc thực hiện chính sách. Việc bảo đảm nguồn kinh phí, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

- Danh sách chi tiết từng đối tượng thụ hưởng được theo dõi tại hồ sơ phê duyệt của UBND cấp xã. Các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh sách đối tượng thụ hưởng, thực hiện chi trả chính sách và quản lý, sử dụng kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.